TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ninh

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 47/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị H, sinh năm 2001; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bình V, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 30-3-2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Chị Dương Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Bình V trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng ngày 17-01-2020. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2022, thường xuyên xảy ra xích mích, cãi nhau, không còn sự tôn trọng nhau, không tìm được tiếng nói chung trong công việc, cuộc sống, anh Vsống không chung thủy với chị và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, sống không có trách nhiệm

với gia đình vợ con. Chị đã khuyên giải anh V nhiều lần nhưng bản thân anh V không thay đổi được lối sống. Cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, mệt mỏi, không còn hòa hợp, hạnh phúc. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ tháng 3-2023 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tổ dân phố Bắc Hải, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng để sống ly thân với anh Văn. Nay, chị thấy không còn tình cảm với anh Vnên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Văn.

Về con chung: Chị và anh Vcó 01 con chung là Nguyễn Quang Thành Đ, sinh ngày 13-02-2020. Từ khi chị và anh V sống ly thân với nhau, cháu Đ ở với chị, cuộc sống ổn định. Hiện nay, chị làm công nhân tại khu công nghiệp Đồ Sơn, có thu nhập là 10.000.000 đồng/tháng, có đủ điều kiện để nuôi con nên nếu ly hôn, chị nhận tiếp tục được nuôi con chung. Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, chị yêu cầu anh Vphải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng ngày 11-9-2023, chị đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện; theo đó, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị tự thỏa thuận với anh Văn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống Đ Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Vtheo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ nhưng anh Vvẫn không đến Tòa tham gia tố tụng để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không có bản khai của anh Văn.

Do anh Vvắng mặt tại phiên hòa giải nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ vắng mặt anh Vtheo khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho anh Vtheo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập được thể hiện: Chị H và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2020. Từ khoảng cuối năm 2022, cuộc sống hôn nhân của Chị Hvà anh V không còn hòa hợp, hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau và xúc phạm nhau. Từ khoảng tháng 03-2023 đến nay, chị Chị H và anh Vđã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng. Hiện tại, cháu Đ đang được Chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hiện nay, Chị H làm công nhân, có chỗ ở và thu nhập ổn định. Còn anh V hiện đang ở cùng với bố mẹ đẻ tại Tổ dân phố T, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; anh Vđã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không chấp hành theo giấy triệu tập đến Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng và đủ các quy định của pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Dương Thị H đối với anh Nguyễn Bình V; giao con chung Nguyễn Quang Thành Đ cho Chị Htrực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Chị Hphải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung; bị đơn là anh Nguyễn Bình V, cư trú tại: Tổ dân phố T, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là Chị Dương Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về hôn nhân:

[3] Chị Dương Thị H và anh Nguyễn Bình V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận Đ, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2020 ngày 17-01-2020. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa Chị H và anh V là hợp pháp theo quy định Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Từ cuối năm 2022 đến nay, Chị H và anh V không có sự chia sẻ và tin tưởng nhau về tình cảm và kinh tế, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, cuộc sống chung không còn hoà thuận, hạnh phúc. Từ khoảng tháng 3-2023 đến nay, Chị H và anh Vđ ã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt, mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Anh Vmặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, đã biết Chị Hđang xin ly hôn với anh V tại Tòa án nhưng anh V vẫn không đến Tòa án để giải quyết việc hôn nhân của vợ chồng, chứng tỏ anh V không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với chị H.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng của Chị H và anh V không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không Đ được, vì vậy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu

cầu xin ly hôn của Chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Chị Dương Thị H và anh Nguyễn Bình V có 01 con chung là Nguyễn Quang Thành Đ, sinh ngày 13-02-2020. Xét thấy, trong khoảng thời gian Chị Hvà anh Vsống ly thân, cháu Đ chung sống ổn định cùng Chị H và được chăm sóc chu đáo; Chị H có thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện để nuôi dạy con. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Chị H về việc khi ly hôn, giao con chung của vợ chồng cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Chị Dương Thị H và anh Nguyễn Bình V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh V đều có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Dương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Bình V.

2. Về nuôi con chung:

Khi ly hôn, giao con chung của Chị Dương Thị H và anh Nguyễn Bình V tên là Nguyễn Quang Thành Đ, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2020 cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 (*Mười tám*) tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Chị H và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0002730 ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Chị Hđã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh V đều có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đ;
- Chi cục THADS quận Đ;
- UBND phường B, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Vinh